

Cao Bằng, ngày 26 tháng 7 năm 2022

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 10 (huyện Quảng Hòa)

Môn: Phần AV,VI - Nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học và Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Ngày thi: 15/7/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Lục Thị Vân Anh	7,00	Bảy	41	Hoàng Văn Khỏe	7,00	Bảy
2	Đàm Thị Bằng	5,50	Năm phẩy năm	42	Bé Thị Kiều	5,25	Năm phẩy hai năm
3	Nông Thị Bé	7,75	Bảy phẩy bảy năm	43	Nguyễn Thị Hoài Lam	8,00	Tám
4	Nguyễn Thị Biên	7,00	Bảy	44	Lục Thị Thúy Lâm	7,50	Bảy phẩy năm
5	Nguyễn Đình Chinh	6,00	Sáu	45	Nông Minh Lệ	7,00	Bảy
6	Bé Đặng Chính	8,00	Tám	46	Nông Thị Linh	6,00	Sáu
7	Phan Mạnh Cường	5,00	Năm	47	Hứa Thị Loan	8,00	Tám
8	Hà Thị Diệp	8,00	Tám	48	Lý Thị Minh	6,00	Sáu
9	Nông Văn Đạt	6,25	Sáu phẩy hai năm	49	Hoàng Thị Minh	6,50	Sáu phẩy năm
10	Bé Thị Diệp	6,00	Sáu	50	Triệu Quang Mốt	6,50	Sáu phẩy năm
11	Tô Văn Dự	5,00	Năm	51	Vương Thị Na	6,75	Sáu phẩy bảy năm
12	Hoàng Văn Duẩn	6,00	Sáu	52	Nông Văn Nam	6,00	Sáu
13	Đàm Thị Dung	8,00	Tám	53	Hoàng Thị Nga	7,00	Bảy
14	Lương Văn Dưỡng	5,75	Năm phẩy bảy năm	54	Đàm Thị Thanh Nga	7,00	Bảy
15	Phan Thị Duyên	6,25	Sáu phẩy hai năm	55	Đinh Văn Nghĩa	6,00	Sáu
16	Lý Thị Duyên	5,00	Năm	56	Nguyễn Thị Ngọc	6,75	Sáu phẩy bảy năm
17	Nông Văn Giang	8,25	Tám phẩy hai năm	57	Đinh Thị Nguyệt	8,00	Tám
18	Triệu Thị Hạ	7,50	Bảy phẩy năm	58	Lục Thị Nhung	7,00	Bảy
19	Ngô Thị Lệ Hằng	8,00	Tám	59	Đàm Thị Niêm	6,00	Sáu
20	Lý Thị Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	60	Lục Thị Kim Oanh	7,00	Bảy
21	Lã Thị Hạnh	6,25	Sáu phẩy hai năm	61	Nguyễn Lệ Quyên	7,00	Bảy
22	Đinh Thị Hậu	7,25	Bảy phẩy hai năm	62	Hoàng Thị Tắm	7,00	Bảy
23	Ma Văn Hiến	5,00	Năm	63	Đàm Hồng Tân	7,50	Bảy phẩy năm
24	Nguyễn Thị Hiệp	7,50	Bảy phẩy năm	64	Đàm Văn Thắng	7,00	Bảy
25	Lưu Diệu Hoa	6,50	Sáu phẩy năm	65	Đinh Phương Thảo	7,00	Bảy

DHB

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
26	Lương Thị Hoa	5,25	Năm phẩy hai năm	66	Mông Thị Thảo	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Lục Thị Hoài	7,00	Bảy	67	Nông Bích Thu	8,00	Tám
28	Nguyễn Thị Hoan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	68	Triệu Minh Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
29	Hà Ngọc Hoàng	6,75	Sáu phẩy bảy năm	69	Đàm Thị Thuyền	6,00	Sáu
30	Hà Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	70	Bé Thị Tiềm	6,00	Sáu
31	Phạm Thị Huân	7,50	Bảy phẩy năm	71	Nông Thị Tiến	7,50	Bảy phẩy năm
32	Nông Thị Huế	7,50	Bảy phẩy năm	72	Đỗ Văn Tĩnh	6,00	Sáu
33	Mông Thị Huế	6,75	Sáu phẩy bảy năm	73	Hoàng Thu Trang	8,00	Tám
34	Triệu Thị Thu Huế	6,25	Sáu phẩy hai năm	74	La Thị Huyền Trang	7,25	Bảy phẩy hai năm
35	Bé Thị Huệ	7,25	Bảy phẩy hai năm	75	Đỗ Thu Trang	7,50	Bảy phẩy năm
36	Đinh Thị Huệ	7,25	Bảy phẩy hai năm	76	Bé Văn Tư	6,50	Sáu phẩy năm
37	Ma Thúy Hương	8,00	Tám	77	Đàm Thúy Tuyên	8,00	Tám
38	Hoàng Quang Huy	8,00	Tám	78	Mã Thị Út	8,00	Tám
39	Hoàng Thị Huyền	6,50	Sáu phẩy năm	79	Ma Ngọc Vĩnh	7,50	Bảy phẩy năm
40	Lục Thị Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	80	Đàm Thị Vui	7,00	Bảy

Điểm 5,00: 04 điểm; Điểm 5,25: 02 điểm; Điểm 5,50: 01 điểm; Điểm 5,75: 01 điểm; Điểm 6,00: 11 điểm; Điểm 6,25: 04 điểm; Điểm 6,50: 05 điểm; Điểm 6,75: 04 điểm; Điểm 7,00: 14 điểm; Điểm 7,25: 04 điểm; Điểm 7,50: 13 điểm; Điểm 7,75: 03 điểm; Điểm 8,00: 13 điểm; Điểm 8,25: 01 điểm./.

**GHI ĐIỂM PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

DJHw

Vanlyp



Hoang

Đoàn Thị Kim Liên

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa